

Số: *10*/BC-QLQ-VTBF

Hà Nội, ngày *26* tháng 03 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VTBF
NĂM 2024**

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

a) **Tên của quỹ:** Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Tên viết tắt: VTBF.

Loại hình quỹ: Quỹ mở.

b) **Mục tiêu đầu tư của quỹ:**

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

c) **Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có):** Không xác định.

d) **Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có):** Quỹ không có danh mục đầu tư tham chiếu.

e) **Chính sách phân chia lợi nhuận:**

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Công ty Quản lý quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. Công ty Quản lý quỹ khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không còn đủ khả năng tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của mình theo quy định của Pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu do Pháp luật quy định

f) **Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành** tại ngày 31/12/2024: 4.529.299,19 chứng chỉ quỹ.

g) **Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ** trong kỳ báo cáo (nếu có): Nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024 thông qua và công bố thông tin trên website của Công ty theo đường dẫn: https://vietinbankcapital.vn/vi-vn/san-pham-dich-vu/san-pham/getdetai/504/PRODUCT_INFO/F4/7650.

h) **Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có):** Nội dung Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024 đã được công bố thông tin trên website

của Công ty theo đường dẫn: https://vietinbankcapital.vn/vi-vn/san-pham-dich-vu/san-pham/getdetai/504/PRODUCT_INFO/F4/7650.

i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ mở: Chi tiết tại mục 4. Báo cáo hoạt động của Ngân hàng giám sát.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ, cụ thể:

- Thông tin về danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...):

Quỹ VTBF	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 31/12/2022	
	Tỷ VND	Tỷ trọng	Tỷ VND	Tỷ trọng	Tỷ VND	Tỷ trọng
Trái phiếu doanh nghiệp	16,23	25,10	14,98	25,66%	18,93	34,61%
Cổ phiếu niêm yết	0,00	0,00%	0,00	0,00%	0,00	0,00%
Tiền gửi & Chứng chỉ tiền gửi	46,99	72,66%	41,20	70,56%	33,91	61,98%
Khác	1,45	2,24%	2,21	3,78%	1,87	3,41%
Tổng giá trị tài sản	64,67	100,00%	58,39	100,00%	54,71	100,00%

Danh mục đầu tư của Quỹ VTBF - Phân bổ theo ngành tại ngày 31/12/2024

Tài chính ngân hàng		53,19
Bất động sản		10,03

- Thông tin về giá trị tài sản ròng của quỹ:

Đơn vị: Đồng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	64.394.904.150	58.148.939.199	54.475.699.510
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	4.529.299,19	4.334.309,13	4.329.017,16
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ	14.217,41	13.415,96	12.583,84
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ	14.217,41	13.415,96	12.583,84
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ	13.418,31	12.588,34	11.942,83

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)	Năm 2022 (VND)
1	Cổ tức, trái tức được nhận	1.827.844.656	1.488.712.401	1.468.210.225
2	Lãi được nhận	2.873.232.145	3.192.226.103	1.748.931.095
3	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	(191.971.271)	(157.442.338)	(4.549.220)
4	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	49.867.466	(16.434.590)	2.977.544
	TỔNG	4.558.972.996	4.507.061.576	3.215.569.644

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: Quỹ không phân phối lợi nhuận trong năm 2024.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ, tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2022
1	Tỷ lệ chi phí hoạt động (*)	1,61%	1,66%	1,74%
2	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ	61,43%	35,48%	157,52%

(*) Tỷ lệ được tính toán cho khoảng thời gian 12 tháng tại ngày lập báo cáo tài chính, tổng chi phí hoạt động được sử dụng để tính toán là số liệu ước tính cho cả năm dựa trên kết quả hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024.

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024 (VND)	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 (VND)	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022 (VND)	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 (VND)	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 (VND)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.566.255.594	3.576.700.730	2.433.785.044	248.732.911	1.953.812.135

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng được quy định trong Điều lệ, Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV chi nhánh Hà Thành; việc xác định giá trị tài sản ròng định kỳ của quỹ được thực hiện bởi Ngân hàng giám sát BIDV chi nhánh Hà Thành và kiểm tra rà soát bởi Công ty Quản lý Quỹ.

Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Dữ liệu về giá chứng khoán niêm yết được thu thập trên HSX và HNX.

d) Khuyến cáo: Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Trụ sở: Tầng 6, TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): không có
- b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư
So với thời điểm cuối năm 2023, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ VTBF tính đến ngày 31/12/2024 đã tăng 5,97% giá trị; tương đương với mức tăng 5,97%/năm, thấp hơn mức lợi nhuận kỳ vọng (không phải là tỷ suất lợi nhuận tham chiếu) của quỹ VTBF là 7-8%/năm.
- c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.
- d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.
- e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:
Trong kỳ, Quỹ tiếp tục lựa chọn cơ hội đầu tư và giải ngân thận trọng, bám sát vào chiến lược đầu tư đã đặt ra trong Bản cáo bạch, nhằm mang lại lợi nhuận dài hạn và ổn định bằng cách ưu tiên chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt, cơ cấu đầu tư tuân thủ theo Điều lệ và Bản cáo bạch hiện hành. Theo đó tỷ trọng các tài sản có thu nhập cố định (tiền gửi, CCTG, TPDN) tại thời điểm cuối năm chiếm trên 97% tổng tài sản của Quỹ.
Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.
- f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2023	
		(VND)	Tỷ trọng	(VND)	Tỷ trọng
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	287.474.101	0,45%	501.179.585	0,86%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	300.000.000	0,46%	0	0,00%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	400.000.000	0,62%	2.500.000.000	4,28%
4	Cổ phiếu	0	0,00%	0	0,00%
5	Trái phiếu	16.233.447.945	25,10%	14.983.580.479	25,66%
6	Đầu tư khác	46.000.000.000	71,13%	38.198.750.654	65,42%
7	Tài sản khác	1.447.817.259	2,24%	2.205.346.029	3,78%
	Tổng giá trị danh mục	64.668.739.305	100,00%	58.388.856.747	100,00%

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại kỳ định giá 31/12/2024: 14.217,41 VND/CCQ, tăng 5,97% giá trị so với 31/12/2023. Trong năm 2024, quỹ không phân chia lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo

Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, kinh tế – xã hội nước ta trong năm 2024 đã đạt được những kết quả tích cực, cụ thể như sau:

- (1) GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.
- (2) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2024 tăng 0,29% so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng 12/2024 tăng 2,94%. CPI bình quân quý IV/2024 tăng 2,87% so với quý IV/2023. Tính chung cả năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.
- (3) Năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,77 tỷ USD.
- (4) Tỷ giá USD/VND ghi nhận mức mất giá 5,03% vào cuối năm 2024, thấp hơn đáng kể so với nhiều quốc gia trong khu vực. Đáng chú ý, các đồng tiền lớn như Yên Nhật, Won Hàn Quốc hay đô la Đài Loan đều mất giá trên 10%. Trong bối cảnh này, việc duy trì mức mất giá hợp lý của đồng Việt Nam không chỉ giúp kiểm soát lạm phát dưới mức 4% - đạt mục tiêu Quốc hội đề ra - mà còn tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh.
- (5) Lãi suất huy động có xu hướng tăng trong những tháng cuối năm 2024. Tại ngày 31/12/2024 lãi suất 12 tháng trung bình của nhóm ngân hàng thương mại đạt mức 5,5% (cao hơn 0,4% so với đầu năm). Trong khi đó, lãi suất trung bình của các ngân hàng thương mại nhà nước vẫn giữ nguyên ở mức 4,7%/năm (thấp hơn 0,25 % so với đầu năm). Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng đang tăng nhanh hơn so với tốc độ tăng trưởng của huy động vốn, điều này cho thấy sự linh hoạt của ngân hàng trong việc bảo đảm nguồn vốn để phục vụ nền kinh tế, đồng thời duy trì sự an toàn và tính thanh khoản cho hệ thống.

Tính đến ngày 31/12/2024, tín dụng nền kinh tế tăng khoảng 15,08% so với cuối năm 2023. Tín dụng tập trung vào các sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho các TCTD cung ứng nguồn vốn tín dụng cho nền kinh tế.

Thị trường tiền tệ

Trong năm 2024, Ngân hàng Nhà nước đã định hướng chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng, đồng thời chủ động ứng phó linh hoạt với diễn biến kinh tế thế giới và trong nước để thực

thi các chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, phục hồi sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, an toàn hoạt động của hệ thống tổ chức tín dụng.

NHNN tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành trong bối cảnh lãi suất thế giới vẫn neo ở mức cao, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp, qua đó có điều kiện để hỗ trợ nền kinh tế; tiếp tục chỉ đạo các TCTD tiết giảm chi phí hoạt động để phân đầu giảm lãi suất cho vay, đồng thời, yêu cầu các TCTD thực hiện báo cáo và công bố công khai mức lãi suất cho vay bình quân, chênh lệch lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân trên trang thông tin điện tử của TCTD.

NHNN đã chủ động thực hiện 02 lần điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các TCTD vào ngày 28/8/2024 và ngày 28/11/2024 theo nguyên tắc cụ thể, đảm bảo công khai, minh bạch trong điều kiện lạm phát được kiểm soát tốt dưới mức mục tiêu và để kịp thời đáp ứng vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh; đồng thời, tiếp tục triển khai chủ trương của Quốc hội, Chính phủ về nghiên cứu dỡ bỏ dần biện pháp giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng.

Thị trường trái phiếu

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 31/12/2024, có 54 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trị giá 56,793 tỷ đồng và 1 đợt phát hành ra công chúng trị giá 800 tỷ đồng trong tháng 12/2024. Tính cả năm 2024, có 429 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 410,544 tỷ đồng và 22 đợt phát hành ra công chúng trị giá 32,914 tỷ đồng.

Trong tháng 12, các doanh nghiệp đã mua lại 27,458 tỷ đồng trái phiếu trước hạn, giảm 36% so với cùng kỳ năm 2023. Trong năm 2025, ước tính sẽ có khoảng 216,670 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn, trong đó phần lớn là trái phiếu bất động sản với 120,640 tỷ đồng, tương đương 55.6%. Về tình hình công bố thông tin bất thường, có 3 mã trái phiếu chậm trả lãi mới với tổng giá trị 80.3 tỷ đồng.

Trong giai đoạn thị trường TPDN gặp khủng hoảng với nhiều tổ chức phát hành gặp tình trạng chậm trả trái phiếu, khối lượng phát hành của năm 2022 và năm 2023 giảm khá mạnh về mức thấp hơn so với năm 2019. Tuy nhiên trong năm 2024 thị trường bắt đầu phục hồi và phát hành trái phiếu riêng lẻ đã có tăng trưởng trở lại so với năm 2019 trước Covid-19.

Thị trường chứng khoán

Tính đến ngày 31/12/2024, chỉ số VN-Index đạt 1.266,78 điểm, tăng 12,1% so với cuối năm 2023. Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 7,2 triệu tỷ đồng, tăng 21,2% so với cuối năm 2023, tương đương 70,4% GDP ước tính năm 2023; giá trị giao dịch bình quân đạt 21,1 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 19,9% so với bình quân năm trước.

Năm 2024, thị trường chứng khoán hoạt động ổn định, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu tăng 20,6% so với cuối năm 2023.

Năm 2024 cùng với nỗ lực của các cơ quan quản lý, thị trường đã có nhiều chuyển biến tích cực trong quá trình hướng tới nâng hạng lên thị trường mới nổi. Trong đó, phải kể đến việc ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC quy định về việc ký quỹ trước của nhà đầu tư tổ chức

10/3/2025 11:11

nước ngoài khi giao dịch và yêu cầu công bố thông tin trên TTCK. Bên cạnh đó, Luật Chứng khoán (sửa đổi) cũng được thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV.

Tính đến cuối năm Việt Nam có 9,2 triệu tài khoản chứng khoán chiếm 9,3% dân số, vượt mục tiêu 5% được đề ra trong Đề án Cơ cấu lại TTCK và bảo hiểm đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.
Địa chỉ: 74 Thọ Nhuộm, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006.

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.
- b) Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá, cơ cấu danh mục của Quỹ có sai lệch so với hạn chế đầu tư của Quỹ, cụ thể như sau:
 - Từ kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 14/05/2024 đến ngày 23/05/2024, tỷ lệ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác của Quỹ chưa đảm bảo 80% giá trị tài sản ròng theo quy định tại Khoản 14 Điều 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC. Từ kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng ngày 28/05/2024, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã được điều chỉnh trong thời hạn được phép quy định tại Khoản 6 Điều 24, Khoản 6 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.
 - Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 30/09/2024 đến ngày 09/10/2024 Tỷ lệ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm a,b,d,đ và e Khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau vượt quá 30% tổng tài sản của Quỹ chưa đáp ứng quy định tại điểm d Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC và từ kỳ định giá ngày 14/10/2024 cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã được điều chỉnh trong thời hạn được phép quy định tại Khoản 6 Điều 24, Khoản 6 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

5.1. Dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ:

Bên nhận ủy quyền: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Địa chỉ: số 74 Phố Thọ Nhuộm, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Hoạt động nhận ủy quyền: Dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ.

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ.

Đơn vị: Đồng

	Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024
Tổng chi phí phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (1)	70.957.240
Lợi nhuận trước thuế của quỹ (2)	3.566.255.594
% Lợi nhuận = (1)/(2)	1,99%
Thu nhập của quỹ (3)	4.558.972.996
% Thu nhập = (1)/(3)	1,56%
Tổng chi phí hoạt động của quỹ (4)	992.717.402
% Tổng chi phí hoạt động = (1)/(4)	7,15%

- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có.
- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

Đơn vị: Đồng

	Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024
Tổng chi phí phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	70.957.240
Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở	37.021.167
Phí dịch vụ giám sát	13.574.430
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	20.361.643

- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền: Bên nhận ủy quyền có khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

5.2. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

Bên nhận ủy quyền: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Địa chỉ: Số 112 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Hoạt động nhận ủy quyền: Dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Đơn vị: Đồng

	Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024
Tổng chi phí phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (1)	133.470.710
Lợi nhuận trước thuế của quỹ (2)	3.566.255.594
% Lợi nhuận = (1)/(2)	3,74%
Thu nhập của quỹ (3)	4.558.972.996
% Thu nhập = (1)/(3)	2,93%
Tổng chi phí hoạt động của quỹ (4)	992.717.402
% Tổng chi phí hoạt động = (1)/(4)	13,44%

- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có.
- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Không áp dụng do bên nhận ủy quyền chỉ cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho quỹ.
- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền: Bên nhận ủy quyền có khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ NHMTCPCTVN

K/T. Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc



Phan Hải Sâm